BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC THUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 135 /TCT-TNCN V/v: triển khai thực hiện Thông tư số 304/2016/TT-BTC về Bảng giá tính LPTB ô tô, xe máy	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017*

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, ngày 15/11/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 về việc ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy (dưới đây gọi chung là Bảng giá) để thống nhất thực hiện trong toàn quốc, thay thế cho 63 Bảng giá của 63 tỉnh như trước đây. Đây là một trong những nội dung về cải cách hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế theo yêu cầu của Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử.

Để thuận lợi cho việc tổng hợp, báo cáo trình Bộ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung điều chỉnh Bảng giá theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016, Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế:

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô, xe máy và cơ sở kinh doanh ô tô, xe máy trên địa bàn khi phát sinh loại xe mới hoặc có thay đổi giá thì cung cấp thông tin về giá các loại xe ô tô, xe máy theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm công văn này gửi Tổng cục Thuế bằng văn bản đồng thời gửi qua thư điện tử theo địa chỉ: tctgiaotoxemay@gdt.gov.vn (bằng file pdf và word hoặc excel) để Tổng cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính bổ sung, điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo các trường hợp giá tính lệ phí trước bạ chưa được quy định trong Bảng giá của Bộ Tài chính hoặc giá chuyển nhượng thực tế ôtô, xe máy trên thị trường tăng 20% trở lên so với Bảng giá hiện hành đang áp dụng trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm ô tô, xe máy được đăng ký trước bạ theo mẫu tại phụ lục 02, phụ lục 03 đính kèm công văn này và hồ sơ,

tài liệu liên quan gửi Tổng cục Thuế bằng văn bản đồng thời gửi qua thư điện tử theo địa chỉ: tctgiaotoxemay@gdt.gov.vn (bằng file pdf và word hoặc excel).

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để b/c)
- Lưu: VT, TNCN(2b).

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ QL THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC THUẾ

Lý Thị Hoài Hương

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo công văn số 135 /TCT-TNCN ngày 12/ 1 /2016 của Tổng cục Thuế)

Công ty/ DN....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....

TỔNG HỢP GIÁ Ô TÔ, XE MÁY PHÁT SINH MỚI HOẶC THAY ĐỔI

STT	Số Giấy chứng nhận	Nhãn hiệu	Tên thương mại (hoặc số loại)	Mã kiểu loại	Thể tích làm việc	Số chỗ ngồi hoặc chỗ đứng, chỗ nằm	Trọng tải	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá bán lẻ (VNĐ)	Xe thay đổi giá			
											Giá hiện hành	Giá điều chỉnh	% tăng	% giảm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I. Ô tô <10 chỗ														
1														
2														
II.Ô tô ≥10 chỗ														
1														
2														
III. Ô tô vận tải hàng hoá (kể cả xe xi téc, đầu kéo.....)														
1														
2														
IV. Các loại xe khác														
1														
2														

Người lập biểu

Giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu (1): Là số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (Trường hợp đơn vị nhập từ 2 xe trở lên cùng số loại/ Tên thương mại thì chỉ ghi đại diện một số giấy chứng nhận); Số Giấy chứng nhận kiểu loại đối với xe sản xuất, lắp ráp.
- Chỉ tiêu (3): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (4): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (5): Định dạng kiểu số, đơn vị tính cm^3
- Chỉ tiêu (7): Định dạng kiểu số, đơn vị tính tấn
- Chỉ tiêu (9): Định dạng YYYY

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo công văn số 135/TCT-TNCN ngày 12/01/2016 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....

TỔNG HỢP GIÁ Ô TÔ, XE MÁY CHƯA CÓ TRONG BẢNG GIÁ

Từ ngày ..... -Đến ngày.....

STT	Nhãn hiệu	Tên thương mại (hoặc số loại)	Mã kiểu loại	Thể tích làm việc	Số chỗ ngồi hoặc chỗ đứng, chỗ nằm	Trọng tải	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá đã áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 304/2016/TT-BTC (VNĐ) (Giá xe mới 100%)	Giá Cục Thuế khảo sát tại địa bàn và đề xuất vào Bảng giá của BTC (VNĐ)	Tình trạng của xe	
											Xe mới 100%	Xe đã qua sử dụng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Ô tô <10 chỗ												
1												
2												
II.Ô tô ≥10 chỗ												
1												
2												
III. Ô tô vận tải hàng hoá (kể cả xe xi téc, đầu kéo.....)												
1												
2												
IV. Các loại xe khác												
1												
2												

NGƯỜI LẬP BIỂU **PHÒNG .....** **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu (2): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (3): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (4): Định dạng kiểu số, đơn vị tính cm^3
- Chỉ tiêu (6): Định dạng kiểu số, đơn vị tính tấn
- Chỉ tiêu (8): Định dạng YYYY
- Chỉ tiêu (11), (12): Đánh dấu (X) nếu chọn

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo công văn số 135/TCT-TNCN ngày 12/01/2016 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....

TỔNG HỢP GIÁ Ô TÔ, XE MÁY TĂNG/GIẢM 20% TRỞ LÊN SO VỚI BẢNG GIÁ

Từ ngày ..... -Đến ngày.....

STT	Nhãn hiệu	Tên thương mại (hoặc số loại)	Mã kiểu loại	Thể tích làm việc	Số chỗ ngồi hoặc chỗ đứng, chỗ nằm	Trọng tải	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá tại Bảng giá (VNĐ)	Giá đã áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 304/2016/TT-BTC (VNĐ) (Giá xe mới 100%)	Giá Cục Thuế khảo sát tại địa bàn và đề xuất vào Bảng giá của BTC (VNĐ)	Tình trạng của xe	
												Xe mới 100%	Xe đã qua sử dụng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Ô tô <10 chỗ													
1													
2													
II.Ô tô ≥10 chỗ													
1													
2													
III. Ô tô vận tải hàng hoá (kể cả xe xi téc, đầu kéo.....)													
1													
2													
IV. Các loại xe khác													
1													
2													

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÒNG .....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu (2): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (3): Ghi đúng trên giấy chứng nhận đăng kiểm
- Chỉ tiêu (4): Định dạng kiểu số, đơn vị tính cm^3
- Chỉ tiêu (6): Định dạng kiểu số, đơn vị tính tấn
- Chỉ tiêu (8): Định dạng YYYY
- Chỉ tiêu (12), (13): Đánh dấu (X) nếu chọn